

Số: /TB-BVM

Bà Rịa, ngày tháng năm 2024

V/v yêu cầu báo giá mua sắm Thủy tinh thể nhân tạo, vật tư y tế và hóa chất năm 2025-2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam
(Sau đây gọi là Nhà thầu)

Bệnh viện Mắt tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán **Mua sắm Thủy tinh thể nhân tạo, vật tư y tế và hóa chất năm 2025-2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Địa chỉ: 21 Phạm Ngọc Thạch, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: đề nghị Nhà thầu gửi báo giá bằng cả 2 hình thức sau đây:

– Hình thức 1: Gửi bản giấy có đóng dấu (bản cứng) về Khoa Dược, Bệnh viện Mắt tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo thông tin sau:

+ Người nhận: Ds Phan Hữu Quy

+ Số điện thoại: 0913869530

+ Địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Mắt tỉnh BR-VT, 21 Phạm Ngọc Thạch, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh BR-VT.

+ Lưu ý: Ngoài bì thư ghi rõ: “BÁO GIÁ – TÊN DỰ TOÁN” và TÊN NHÀ THẦU. Yêu cầu PHÁT THƯ TẬN TAY.

+ Trường hợp các hồ sơ không ghi rõ nội dung nêu trên, nếu bị thất lạc hoặc dẫn đến giao nhận không đúng thời hạn quy định thì xem như Bệnh viện không nhận được báo giá.

– Hình thức 2: Gửi bản chụp (Scan) hồ sơ đã đóng dấu và bản điện tử (file mềm) vào email dsquyvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **từ 16h00 ngày 27 tháng 09 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 08 tháng 10 năm 2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày báo giá.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Tên dự toán: **Mua sắm Thủy tinh thể nhân tạo, vật tư y tế và hóa chất năm 2025-2026.**

2. Danh mục đề nghị báo giá: *Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.*

3. Địa điểm thực hiện: tại Bệnh viện Mắt tỉnh BR-VT, 21 Phạm Ngọc Thạch, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Thời gian dự kiến thực hiện hợp đồng và giao hàng: trong vòng 18 tháng

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

– Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định.

– Tạm ứng: Không.

– Điều khoản thanh toán: 90 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Yêu cầu về giá chào: giá chào là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí giao hàng đến kho của bên mời thầu.

7. Biểu mẫu chào giá: theo mẫu **Phụ lục 2** đính kèm (các báo giá không đúng theo mẫu, không đầy đủ thông tin sẽ không được xem xét)

8. Hồ sơ kèm theo báo giá: giấy phép đăng ký kinh doanh; công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế; tài liệu về hàng hóa chào giá; kết quả trúng thầu của nhà thầu trong vòng 12 tháng (nếu có) đối với hàng hóa tương tự mà nhà thầu chào giá.

Khi cần cung cấp thêm thông tin, vui lòng liên hệ: Ds Phan Hữu Quy – Trưởng khoa Dược; Số điện thoại: 0913.869530

Rất mong được sự quan tâm của các Nhà thầu.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Dược.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT GIÁP

PHỤ LỤC 1
BẢNG CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số /TB-BVM, ngày 27/09/2024 của Bệnh viện Mắt)

1. THỦY TINH THỂ NHÂN TẠO VÀ VẬT TƯ PHẪU THUẬT MẮT:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thủy tinh thể đơn tiêu cự, 3 mảnh, trong suốt.	<ol style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 3 mảnh, trong suốt. Chất liệu Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). Lọc tia UV. Đặc điểm càng: 2 càng, góc càng 5 độ, hình chữ C, chất liệu PMMA. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm ± 5%; đường kính vùng quang học: 6 mm ± 5%. Dải công suất: đáp ứng từ -10D đến +30D. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector kiểu xoay). Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,8 mm 	Cái	600	
2	Thủy tinh thể đơn tiêu cự, 3 mảnh, nhuộm vàng lọc ánh sáng xanh	<ol style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 3 mảnh. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; Đặc điểm càng: 2 càng, hình chữ C, góc càng 5 độ, chất liệu PMMA. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm ± 5%; đường kính vùng quang học: 6 mm ± 5%. Dải công suất: đáp ứng từ +6.0 D đến +30,0 D. Thủy tinh thể lắp sẵn trong cartridge + injector. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,8 mm 	Cái	600	
3	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, không ngấm nước, lọc ánh sáng xanh.	<ol style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; phi cầu. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học. Chiều dài thủy tinh thể: 11 mm ± 5%; đường kính vùng quang học: 6,0 mm ± 5%. Dải công suất: đáp ứng từ -10,0 D đến +35,0 D. Thủy tinh thể lắp sẵn hoặc cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector). Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2,2 mm 	Cái	1.000	
4	Thủy tinh thể	<ol style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 	Cái	1.200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	nhân tạo đơn tiêu cự, không ngậm nước, càng kép	<p>mảnh.</p> <p>2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngậm nước (hydrophobic).</p> <p>3. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; phi cầu.</p> <p>4. Đặc điểm càng: 2 càng kép, cùng chất liệu với vùng quang học.</p> <p>5. Chiều dài thủy tinh thể: 11.5 mm \pm 5%; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm 5%.</p> <p>6. Dải công suất: đáp ứng từ 0,0 D đến +35,0 D.</p> <p>7. Thủy tinh thể lắp sẵn trong cartridge + injector.</p> <p>8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2,2 mm</p>			
5	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, không ngậm nước, đặt kiểu xoay	<p>1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh.</p> <p>2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngậm nước (hydrophobic).</p> <p>3. Lọc tia cực tím (UV); phi cầu.</p> <p>4. Đặc điểm càng: 2 càng, càng chữ C hoặc L, cùng chất liệu với vùng quang học.</p> <p>5. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm \pm 5%; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm 5%.</p> <p>6. Dải công suất: đáp ứng từ +6,0 D đến +30.0 D.</p> <p>7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector kiểu xoay).</p> <p>8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2,2 mm</p>	Cái	500	
6	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, không ngậm nước, chống dính càng.	<p>1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh.</p> <p>2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngậm nước (hydrophobic), bề mặt phủ chất chống viêm.</p> <p>3. Lọc tia cực tím (UV); màu vàng lọc ánh sáng xanh; phi cầu. Hiệu chỉnh cầu sai (SA: từ -0.12 μm đến -0,25 μm).</p> <p>4. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học.</p> <p>5. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm \pm 5%; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm 5%.</p> <p>6. Dải công suất: đáp ứng từ 0 D đến +34,0 D.</p> <p>7. Thủy tinh thể lắp sẵn trong injector.</p> <p>8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2,6 mm</p>	Cái	1200	
7	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, ngậm nước, lọc ánh sáng tím.	<p>1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh.</p> <p>2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngậm nước (hydrophilic).</p> <p>3. Lọc tia cực tím (UV); phi cầu, lọc ánh sáng tím</p> <p>4. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học.</p>	Cái	1200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ $-5,0 \text{ D}$ đến $+40,0 \text{ D}$. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2 \text{ mm}$			
8	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, ngậm nước, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngậm nước 26% (hydrophilic), lọc ánh sáng xanh bằng Azopyralone Methacrylate. 3. Lọc tia cực tím (UV); phi cầu; Độ quang sai cầu (SA : từ $-0,25 \mu\text{m}$ đến $-0,25 \mu\text{m}$) 4. Đặc điểm còng: 2 còng, cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $12.5 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -10.0 D đến $+42.0 \text{ D}$. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2.4 \text{ mm}$	Cái	1.200	
9	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, ngậm nước, dải công suất rộng.	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngậm nước (hydrophilic). 3. Lọc tia cực tím (UV); phi cầu. 4. Đặc điểm còng: 2 còng, cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $12.5 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -20.0 D đến $+60.0 \text{ D}$. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2 \text{ mm}$	Cái	600	
10	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, chất liệu hỗn hợp	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Chất liệu tổng hợp Copolymer bằng phản ứng trùng phân. 3. Lọc tia cực tím (UV); Optic dạng phi cầu hai mặt (Aspheric Biconvex), Độ quang sai cầu (SA : $-0,15\mu\text{m} < SA < -0,12\mu\text{m}$). 4. Đặc điểm còng: 4 còng hoặc hình đĩa, cùng chất liệu với vùng quang học, góc còng $\geq 5^\circ$. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -3.0 D đến $+40,0 \text{ D}$.	Cái	700	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2$ mm			
11	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, chất liệu hỗn hợp, lắp sẵn, qua vết mổ nhỏ.	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hỗn hợp. 3. Lọc tia cực tím (UV); kính trong; phi cầu trung tính 4. Đặc điểm càng: 4 càng hoặc hình đĩa, góc càng ≥ 5 độ cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +5 D đến +35,0 D. 7. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector). 8. Đưa được qua vết mổ nhỏ, kích thước: $\leq 1,8$ mm	Cái	1.200	
12	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, chất liệu hỗn hợp, màu vàng tự nhiên.	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: copolymer Acrylic bề mặt không ngâm nước kết hợp ngâm nước 25% 3. Màu vàng tự nhiên; Lọc tia cực tím (UV); Phi cầu, hiệu chỉnh quang sai (SA $\leq -0,25$ micron). 4. Đặc điểm càng: 4 càng, góc càng ≥ 5 độ cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -5,0 D đến +40,0 D. 7. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector). 8. Đưa được qua vết mổ nhỏ, kích thước: $\leq 1,8$ mm	Cái	1.000	
13	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, chất liệu hỗn hợp, lọc ánh sáng tím.	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: hợp chất Acrylic ngâm nước 25% bề mặt không ngâm nước. 3. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng tím; Phi cầu không cầu sai. 4. Đặc điểm càng: 4 càng, dạng hình đĩa, góc càng 0 độ cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ 0,0 D đến +35,0 D. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: ≤ 2.2 mm	Cái	300	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
14	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, chất liệu hỗn hợp, lọc ánh sáng tím và xanh.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngâm nước 25% bề mặt không ngâm nước. 3. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng tím và ánh sáng xanh; Phi cầu. 4. Đặc điểm càng: 2 càng, góc càng 0 độ cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm \pm 5%; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm 5%. 6. Dải công suất: đáp ứng từ -20,0 D đến +45,0 D. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2.2 mm 	Cái	300	
15	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, kéo dài tiêu cự, không ngâm nước.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, 1 mảnh, trong suốt. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngâm nước (hydrophobic). 3. Lọc tia cực tím(UV); phi cầu 4. Đặc điểm càng: càng chữ C, góc càng 0 độ, thiết kế 3 điểm cố định. 5. Chiều dài thủy tinh thể: 13 \pm5% mm; đường kính vùng quang học: 6 mm \pm5%. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +5.0 D đến +34.0 D. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector kiểu xoay). 8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2,2 mm. 	Cái	500	
16	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, kéo dài tiêu cự, ngâm nước.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngâm nước(hydrophilic). 3. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; phi cầu. 4. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: 11 \pm5% mm; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm5%. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +10,0 D đến +32,0 D. 7. Thủy tinh thể lắp sẵn hoặc cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector). 8. Đưa qua vết mổ kích thước: \leq 2,2 mm 	Cái	500	
17	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, điều chỉnh loạn thị.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu điều chỉnh loạn thị, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngâm nước(hydrophilic) 26%. 3. Lọc tia cực tím (UV); phi cầu, dịch chuyển ra sau. 	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		<ol style="list-style-type: none"> 4. Đặc điểm còng: còng 4 điểm cố định, cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $11 \pm 5\%$ mm; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất cầu: đáp ứng từ +5,0 D đến +32,0 D. 7. Dải công suất điều chỉnh loạn thị: +0,75D; +1,00D; +1,5D; +2,25D; +3,00D; + 3,75D; + 4,5D; +5,25D; +6,00D; 8. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector). 9. Có thể đưa qua vết mổ kích thước: 1.6 mm. 			
18	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, ngâm nước.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự hoặc tương đương, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic ngâm nước (hydrophilic), ngâm nước 26%. 3. Lọc tia cực tím (UV) có hoặc không lọc ánh sáng xanh; phi cầu. 4. Đặc điểm còng: 2 còng, cùng chất liệu với vùng quang học. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $13 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ +10 D đến +30,0 D. 7. Thủy tinh thể lắp sẵn hoặc cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector). 8. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ kết hợp khúc xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần: từ +3,0 D đến +3,5 D; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn trung gian: từ +1,75 D đến +2,0 D. 9. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2 \text{ mm}$ 	Cái	150	
19	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, chất liệu hỗn hợp.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự hoặc tương đương, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: chất liệu Acrylic ngâm nước 25%, bề mặt kỵ nước. 3. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng tím, lọc ánh sáng xanh; phi cầu. 4. Đặc điểm còng: 2 còng, còng chữ C, góc còng 0 độ, cùng chất liệu với vùng quang học.. 5. Chiều dài thủy tinh thể: $13 \text{ mm} \pm 5\%$; đường kính vùng quang học: $6,0 \text{ mm} \pm 5\%$. 6. Dải công suất: đáp ứng từ 0 D đến +32,0 D. 7. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 8. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ kết hợp khúc xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần: từ +3,0 D đến +3,6 D; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn trung gian: từ +1,5 D đến +1,8 D. 	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		9. Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2$ mm			
20	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu, kéo dài tiêu cự.	<ol style="list-style-type: none"> Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu kéo dài tiêu cự với công nghệ EDOF, dải tiêu cự liên tục, 1 mảnh. Chất liệu vùng quang học: chất liệu Acrylic ưa nước (hydrophilic), ngậm nước 26%. Lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; phi cầu. Đặc điểm còng: 2 còng kép khép kín, góc còng 0 độ. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10.8 mm đến 12.4 mm; đường kính vùng quang học: 6,0 mm \pm 5%. Dải công suất: đáp ứng từ +5.0 D đến +30.0 D. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. Vùng quang học thiết kế lai đa vùng (khúc xạ, nhiều xạ, phi cầu); khả năng hỗ trợ nhìn gần: +3.0D Đưa qua vết mổ kích thước: $\leq 2,2$ mm 	Cái	100	
21	Bộ khăn phẫu thuật Mắt.	<ol style="list-style-type: none"> Bộ khăn phẫu thuật phaco gồm có: <ul style="list-style-type: none"> 01 khăn phủ bàn dụng cụ (50x80cm), chống thấm nước, còng, chống tĩnh điện, chất liệu vải SMMMMS 6 lớp. 01 khăn phẫu thuật mắt (100x100cm) chất liệu vải SMMMMS 6 lớp, có màng phẫu thuật 3M hoặc tương đương, có rãnh trên màng phẫu thuật, có túi chứa dịch, miệng túi có thanh định hình giúp cố định miệng túi. Đóng gói tiệt trùng. 	Bộ	14.000	
22	Chỉ phẫu thuật nhãn khoa (Nylon 10/0).	<ol style="list-style-type: none"> Chất liệu Black Monofilament (Nylon 66), sợi đơn kích thước 10/0 màu đen, chiều dài 30cm. Kim khâu: 2 kim tiết diện hình thang, dài 6 mm, đường kính 0.14mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ mài ngang (Crosslapped Edge). Đóng gói tiệt trùng(EO). 	Tép	1.500	
23	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa.	<ol style="list-style-type: none"> Thành phần: Natri Hyaluronate 2% (20mg/ml) Trọng lượng phân tử: ≥ 3000.000 daltons. Độ thẩm thấu: 300 – 350 mOsm/kg. Độ pH: 6.8 đến 7.6. Độ nhớt: 900.000 mPas. Độ dẻo: 240 Sử dụng trong phẫu thuật đục thủy tinh thể. Quy cách: ống 1.1ml, đóng gói tiệt trùng (EO). 	Hộp	6.500	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
24	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa.	<ol style="list-style-type: none"> Thành phần: Hydroxy Propyl Methyl Cellulose 2%. (HPMC). Trọng lượng phân tử: ≥ 88.000 daltons. Độ thẩm thấu: 270 – 400 mOsm/kg. Độ pH: 6.8 – 7.5. Độ nhớt: 4.000 - 5.000 mPas. Sử dụng trong phẫu thuật đục thủy tinh thể. Quy cách: ống thủy tinh chứa 2ml/hộp, đóng gói tiệt trùng (EO) 	Hộp	7.000	
25	Cassette dùng tương thích máy phẫu thuật Phaco Visalis. 500.	<ol style="list-style-type: none"> Cassette dùng tương thích máy phẫu thuật phaco Visalis 500. Ký mã hiệu: :303060-0204-000. Đóng gói tiệt trùng. 	Cái	300	
26	Bóng đèn dùng trong phẫu thuật dịch kính, tương thích máy Stellaris PC.	<ol style="list-style-type: none"> Bóng đèn cung cấp nguồn sáng trong phẫu thuật cắt dịch kính, thời gian sử dụng 400 giờ. Độ sáng: 25 lumens \pm 2lumens, tương thích máy Stellaris PC. Ký mã hiệu: BL3320 	Cái	01	
27	Cassette dùng trong cắt dịch kính + đầu cắt 23G (BPS), tương thích máy Stellaris PC.	<ol style="list-style-type: none"> Cassette dùng cho máy Stellaris PC của hãng Bausch+Lomb/Mỹ bao gồm: Hộp đựng chất bẩn, Bao chụp đầu kim I/A, Nút đẩy hộp đựng chất bẩn, Buồng kiểm tra, Khóa vặn kim US. Ký mã hiệu: BL5423WVX Đóng gói tiệt trùng. 	Bộ	05	
28	Cassette dùng trong phẫu thuật Phaco và cắt dịch kính BPT tương thích máy Stellaris PC.	<ol style="list-style-type: none"> Dụng cụ chứa chất bẩn dùng cho phẫu thuật phaco, tương thích máy Stellaris PC của hãng Bausch+Lomb/Mỹ Ký mã hiệu: BL5111. Đóng gói tiệt trùng. 	Cái	150	
29	Đầu cắt dịch kính bán phần trước, tương thích máy Stellaris PC.	<ol style="list-style-type: none"> Đầu cắt dịch kính 23G sử dụng cho máy phẫu thuật mắt Stellaris PC của hãng Bausch+Lomb/Mỹ. Ký mã hiệu: BL5623S Đóng gói tiệt trùng; (6 cái/hộp). 	Cái	12	
30	Dung dịch nhuộm bao.	<ol style="list-style-type: none"> Thành phần: Trypan Blue 0.06%. Dùng nhuộm bao trước và trong quá trình mổ Phaco, không ảnh hưởng đến nội mô giác mạc. Đóng gói vô trùng, 01ml/Lọ. 	Lọ	400	
		Tổng cộng: 30 Khoản			

2. DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Bơm tiêm Insulin dùng 1 lần.	- Ống tiêm insulin dùng một lần, có vạch chia giúp dễ dàng xác định liều lượng tiêm, kim tiêm làm từ thép không gỉ, thành kim mỏng, ống tiêm trong suốt, kim tiêm 30Gx1/2 – thể tích: 1ml.	Cái	4000	
02	Chỉ không tan tự nhiên Silk 6/0.	- Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. - Kim tam giác 1/2c - 13mm, sợi chỉ dài 75cm. - Đóng gói tiệt trùng riêng từng tép bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.	Tép	120	
03	Chỉ không tan tổng hợp Nylon 7/0.	- Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. - Kim tam giác 3/8c - 13mm. - Sợi chỉ chất liệu: Monofilament, dài 75cm. - Đóng gói tiệt trùng riêng từng tép bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.	Tép	120	
04	Chỉ không tan tổng hợp Nylon 8/0.	- Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn UltraGlyde - Kim hình tam giác 3/8c – 6mm. - Sợi chỉ chất liệu Monofilament, dài 30cm. - Đóng gói tiệt trùng riêng từng tép bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả.	Tép	180	
05	Chỉ tan tổng hợp đa sợi 6/0.	- Kim: 1 kim tròn đầu tròn, dài 13 mm 1/2c vòng tròn. - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0 dài 45cm. - Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. -- - Đóng gói tiệt trùng riêng từng tép.	Tép	240	
06	Chỉ tan tổng hợp đa sợi 8/0.	- Chỉ phẫu thuật coated VICRYL 8/0 dài 45 cm, 2 kim đầu hình thang micropoint dài 6.5 mm, 3/8C, tự tiêu hoàn toàn từ 56 – 70 ngày (Mã W9559);	Tép	500	
07	Lưỡi dao phẫu thuật tiệt trùng số 11.	- Chất liệu bằng thép không gỉ, đầu nhọn, thiết kế cân đối, mềm dẻo sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Sử dụng trong phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. - Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma từng cái.	Cái	2000	
08	Lưỡi dao phẫu	- Chất liệu bằng thép không gỉ, đầu nhọn,	Cái	3000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	thuật tiết trùng số 15 (Feather số 15).	thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Sử dụng trong phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. - Đóng gói tiết trùng phương pháp chiếu xạ Gamma từng cái.			
09	Đầu col vàng có khóa	- Chất liệu nhựa PP, trung tính không phản ứng với hóa chất, màu vàng, dung tích hút 0 - 200ul phù hợp với nhiều loại pipette.	Cái	70.000	
10	Giấy in điện tim 3 cân dạng cuộn.	- Dạng cuộn, bề mặt trơn láng có đường kẻ ô vuông, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao. - Kích thước: 63mm x 30m.	Cuộn	600	
11	Giấy in điện tim 3 cân dạng tập.	- Dạng xấp, bề mặt trơn láng có đường kẻ ô vuông, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao. - Kích thước: 63mm x 100 mm x 300 tờ	Xấp	200	
12	Giấy in nhiệt dạng cuộn.	- Giấy thấm tẩm hóa chất nhạy nhiệt dạng cuộn. Khi giấy được tiếp xúc với nhiệt, hóa chất sẽ thay đổi màu (thường là màu đen). - Kích thước: 57mm x 20m	Cuộn	550	
13	Khẩu trang y tế 3 lớp.	- Màu sắc: Xanh/Trắng. - Kích thước: dài 17,5cm x rộng: 9 cm (+/-0.5cm), độ bung 16.5 cm. - Cấu tạo vải không dệt gồm 3 lớp, có dây thun móc tai và nẹp mũi nhựa hoặc kim loại. Dây thun móc tai: màu trắng, hình tròn/dẹt.	Cái	20.000	
14	Tăm bông y tế φ 3 mm:	- Thân que dài 15cm làm từ nhựa nguyên sinh, đầu bông đường kính 3 mm làm từ 100% bông xơ tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Que	200.000	
15	Ống nghiệm nhựa PP 5ml không nắp.	- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, không nắp, không nhãn, trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, thành ống láng không bám dính mẫu. Chịu được lực ly tâm theo quy định. Thể tích chứa tối đa: 6 ± 0.1 ml	Ống	48.000	
16	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiết trùng 50ml.	- Lọ nhựa PS trắng trong, trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, thành lọ láng không bám dính mẫu, tiết trùng bằng tia Gamma. Có nắp nhựa màu đỏ xoắn vặn, có nhãn. - Thể tích chứa: 50ml.	Lọ	25.000	
17	Ống nghiệm	- Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x	Ống	25.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	EDTA K2_2ml.	75mm, nắp nhựa màu xanh. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. - Thể tích tối đa chứa: 6 ± 0.1 ml.			
18	Lancet tay.	- Được sản xuất từ thép không gỉ, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	10.000	
19	Cationorm.	- Thành phần: Dầu khoáng(mineralral oils): 1%, Glycerol : 1.6%, Tyloxapol: 0.3%, Polyxamer 188: 0.1%, Trishydroclorid: 0.071%, Tromethamin: 0.006%, Cetalkonium clorid : 0.002% và nước pha tiêm vừa đủ 1 ống 0.4ml	Ống	2.000	
20	Băng keo lụa cuộn 2,5cm x 5m.	Vải lụa Taffeta hoặc tương đương trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi $\geq 44 \times 19,5$ sợi/cm, keo Zinc oxide hoặc tương đương không dùng dung môi, lực dính $\geq 1,8-5,5$ N/cm, có kiểm tra vi sinh. Đóng gói không hộp.	Cuộn	1.800	
21	Băng keo vải cá nhân 2cm x 6cm	Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % lực dính $\geq 2,2-9,4$ N/cm, có kiểm tra vi sinh.	Miếng	42.000	
22	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml, kim 26G x1/2.	-Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2". -Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhận bóng. -Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. -Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói vô trùng.	Cái	6.000	
23	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml, kim 25G x 5/8.	-Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 25G5/8". -Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhận bóng. -Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. -Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói vô trùng.	Cái	35.000	
24	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml, kim	-Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 25Gx1". -Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm	Cái	8.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	25G x 1.	bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhẵn bóng. -Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. -Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói vô trùng.			
25	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml, kim 23G x1.	-Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23Gx1". -Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp nhựa đậy. Thân kim làm bằng thép không gỉ có đủ độ cứng, bề mặt nhẵn bóng. -Gioăng (đầu bịt pít tông) kín khít có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. -Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói vô trùng.	Cái	9.000	
26	Gạc y tế 0,8m.	-Dệt bằng sợi cotton 100%, màu trắng không hồ, không sử dụng chất nhuộm màu, không mùi vị, không lẫn tạp chất, không dính xơ bụi bẩn, hút nước, khổ 0.8m. -Mật độ sợi: 8 x 10 sợi/cm ² ± 0,5 sợi, loại mỏng: 7 x 8 sợi/cm ² -Trọng lượng: 32gr/m ² ± 5%, loại mỏng: 25gr/m ² .	Mét	200	
27	Bông y tế thấm nước.	-Bông y tế được làm từ bông xơ tự nhiên 100% Cotton. - Khổ ngang 33cm ± 1cm. -Màu trắng tự nhiên; không sử dụng chất nhuộm màu; -Khả năng giữ nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥100g nước.	Kg	210	
28	Dây truyền dịch an toàn 20 giọt.	-Dây truyền dịch an toàn, công tiêm thuốc chữ Y không chứa latex. - Màng lọc dịch an toàn Airgaurd 15mm: ngăn 100% bọt khí, tự động đuổi khí và khóa dịch. Dây dài 180cm, ID3.0mm, OD4.1mm - Bầu đếm giọt trong suốt 20 giọt / ml. -Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ, khóa lặn chỉnh giọt, có khóa dừng khẩn cấp. - Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói vô trùng.	Sợi	1.500	
29	Kim luồn tĩnh mạch an toàn 22G.	- Kim luồn tĩnh mạch cỡ 22G có cánh, không công, tốc độ chảy 38ml/phút, đầu kim mặt vát tạo độ bén. - Chất liệu Catheter PUR có 4 đường cân quang, kích thước 0.8mm x 25mm.	Cái	1.200	
30	Kim luồn tĩnh	- Kim luồn tĩnh mạch cỡ 24G cánh nhỏ,	Cái	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	mạch an toàn 24G.	không công, tốc độ chảy 22ml/phút, đầu kim mặt vát tạo độ bén. - Chất liệu Catheter FEP có 4 đường cản quang, kích thước 0.7mm x 19mm.			
31	Kim tiêm sử dụng một lần 18G 11/2".	-Kim số 18G11/2, vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. - Đầu kim vát 3 cạnh, không có gờ lỗi. - Thân kim làm từ thép không rỉ, có độ cứng, bề mặt nhẵn bóng không tạp chất. - Đốc kim làm từ chất dẻo có màu theo chuẩn quốc tế, có thể lắp tương thích với tất cả các loại bơm tiêm. - Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói tiệt trùng	Cái	6.000	
32	Kim tiêm sử dụng một lần 25G5/8.	-Kim số 28G5/8, vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. - Đầu kim vát 3 cạnh, không có gờ lỗi. - Thân kim làm từ thép không rỉ, có độ cứng, bề mặt nhẵn bóng không tạp chất. - Đốc kim làm từ chất dẻo có màu theo chuẩn quốc tế, có thể lắp tương thích với tất cả các loại bơm tiêm. - Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	5.000	
33	Găng tay khám kiểm tra cỡ S, M	-Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột biến tính chống dính. Chưa tiệt trùng -Chiều dài 240mm, chiều dày 1 lớp(min) : 0,08mm. -Chiều rộng: + Size M: 95±5mm; + Size S : 89±5mm.	Đôi	32.000	
34	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng cỡ 6,5; 7; 7,5.	-Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột và không bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám. - Chiều dài (min): 280±5mm, chiều dày 1 lớp(min) : 0.15±0.03mm. -Chiều rộng: + số 6.5:83±5mm; + số 7: 89±5mm; số 7.5:95±5mm.	Đôi	45.500	
35	Gạc băng mắt 5 x 7cm	- Gồm 3 lớp kết hợp từ 1 lớp bông hút nước, bên trong là 100% bông xơ tự nhiên và 1 lớp vải bọc bên ngoài. Lớp vải bọc này được làm từ 2 loại nguyên liệu: gạc y tế hút nước hoặc từ gạc vải không dệt thấm nước. Viền mép bông được ép kín không hở mép, không gây kích ứng da, không có độc tố. Khả năng thấm hút cao và nhanh trung bình 5g bông giữ được ≥ 100g nước. -Kích thước: 5cm x 7cm hình chữ nhật	Miếng	23.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		hoặc oval bo góc. Trọng lượng 1,3-1,6gr/miếng. Đóng gói tiệt trùng			
36	Băng keo chỉ thị nhiệt.	<p>- Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước. Thành phần gồm keo, hóa chất hấp thụ nhiệt.</p> <p>-Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì, lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,..</p> <p>-Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt /rám nắng sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước.</p> <p>- Kích thước: 24mm x 55m.</p>	Cuộn	20	
37	Gel điện tim	<p>-Gel điện tim sử dụng trong các điện cực chẩn đoán kỹ thuật số.</p> <p>-Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Gel không có mùi hôi, không gây độc hại.</p>	Chai	100	
		Tổng cộng: 37 Khoản			

3. DANH MỤC HÓA CHẤT:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp.	- Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người. - Hoặc có thông số kỹ thuật tương đương và sử dụng được trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP – 100(Sysmex – Nhật Bản).	Lọ	12	
02	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức trung bình.	- Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người. - Hoặc có thông số kỹ thuật tương đương và sử dụng được trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP – 100(Sysmex – Nhật Bản).	Lọ	12	
03	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao.	- Thành phần: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ máu người. - Hoặc có thông số kỹ thuật tương đương và sử dụng được trên máy Huyết học tự động 20 thông số XP – 100(Sysmex – Nhật Bản).	Lọ	12	
04	Nutrient Agar (NA 90mm).	- Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri có đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc.	Đĩa	150	
05	Sabouraud Dextrose Agar (SAB - 90mm).	- Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri có đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm.	Đĩa	150	
06	Thạch máu (BA 90mm).	- Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri có đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ) của Streptococcus.	Đĩa	80	
07	Môi trường tăng sinh (BHI Broth)	- Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường.	Lọ	80	
08	Mac Conkey Agar (MC 90mm).	- Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri có đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose.	Đĩa	80	
09	Bộ nhuộm Gram	- Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin. Bộ 04 chai 100ml.	Bộ	06	
10	Cồn 70 độ.	- Chất lỏng không màu, trong, dễ bay	Lít	800	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		hơi và mùi đặc trưng chiếm $\geq 69,5\%$ - $\leq 70,4\%$ Ethanol. Can 30 lít - Là dung môi, chất đốt tạo nhiệt, sát khuẩn ngoài da và dụng cụ y tế.			
11	Cồn 90 độ.	- Chất lỏng không màu, trong, dễ bay hơi và mùi đặc trưng phải chứa từ $\geq 89,6\%$ - đến $\leq 90,5\%$ Ethanol. Can 30 lít. - Là dung môi, chất đốt tạo nhiệt, sát khuẩn ngoài da và dcyt.	Lít	60	
12	Tinh Dầu sả.	- Dung dịch lỏng màu vàng nhạt, có mùi sả đặc trưng. Can 30 lít - Xuất xứ: Nhóm nước Đông Nam Á	Lít	150	
13	Hóa chất khử khuẩn bề mặt.	- Thành phần: + Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). - Hiệu quả diệt khuẩn: + Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 + Mycobacterium: EN 14348 + Virus: EN 14476 + Bào tử: EN 13704 - Dạng phun sương dùng theo máy.	Lít	300	
14	Dung dịch rửa tay phẫu thuật 4%.	- Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...). Chai 500ml.	Chai	70	
15	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh.	- Thành phần: Ethanol 76% (w/w), Alpha terpineol 0.5% (w/w), Chlorhexidine gluconate 0,5% (w/w). Vitamin và tá dược dưỡng da. Chai 500ml	Chai	100	
16	Que thử dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số.	- Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose. - Que chỉ thị màu bằng giấy thấm, kết quả được phân tích khi đi kèm với thiết bị, bảo quản ở nhiệt độ 15 – 30 độ. Hoặc có thông số kỹ thuật tương đương.	Que	20.000	
17	Thuốc tẩy Javen.	- Thành phần: Cloride Sodium., NaOCl 10 - 12%, NaOH < 3%. - Quy cách: 30 lít/can	Lít	300	
18	Viên ngấm sát khuẩn dụng cụ.	- Thành phần: Troclosense Sodium (Natri Dichloroisocyanurate) 50% KI/KI hoặc tương đương. - Tính năng kỹ thuật: Khử khuẩn bề mặt và dụng cụ.	Viên	2.000	
		Tổng cộng: 18 Khoản			

